

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:154/2021/HC-PT

Ngày 08 tháng 3 năm 2022.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 524/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 82 đường H, tổ 65, khu phố X, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Hoàng Thái N - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. UBND thành phố M, tỉnh Bình Dương.

2.2. Chủ tịch UBND thành phố M, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: Số 01 đường Q, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố M và UBND thành phố M: Ông Võ Chí T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố M

(Theo Văn bản ủy quyền số 2031/QĐ-UBND và 2032/QĐ-UBND ngày 16/6/2020), có văn bản xin vắng mặt.

2.3. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương: Ông Mai Hùng D, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (Theo Văn bản ủy quyền số 37/UBND-BTCD ngày 06/01/2020), có văn bản xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1931; địa chỉ: Số 17/4 tổ 4, khu phố Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 17/4 tổ 4, khu phố Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 61/1, tổ 76, khu G, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 141/12 đường T, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 17/4 tổ 4, khu phố Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.6 Ông Nguyễn Trung B, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 17/4 tổ 4, khu phố Y, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 26/91, khu phố L, phường B, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà G, ông T, bà P, bà T, ông Th, ông B, ông D: Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 82 đường H, tổ 65, khu phố X, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019; 26/12/2019; ngày 07/01/2020), có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trung C - Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày: Gia đình ông C có phần đất diện tích 2.547 m² tọa lạc tại 17/4, tổ 4, khu Y, L, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân thị xã M (Viết tắt UBND thị xã M) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0980 ngày 20/4/1990 do cha ruột của ông là ông Nguyễn Phi H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 24/10/1991 ông H chuyển nhượng cho ông Ngô Hữu C diện tích 170m² đất; ngày 12/3/1993 ông H chuyển nhượng cho bà Hồ Thị M 99,3m², ngày 09/3/1996 ông H chuyển nhượng cho bà Lý Thị H diện tích 187 m². Phần đất của ông H còn lại là 2.090,7 m². Nhưng đến ngày 07/9/1998, UBND thị xã M ban hành Quyết định số 709/QĐ-UB có nội dung: Thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H diện tích 2.090,7m² và duyệt giao cho ông H được quyền sử dụng diện tích 924m², đồng

thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M816472 cho ông H với diện tích 924m².

Tháng 11 năm 1998, ông Nguyễn Phi H chết, ông C cùng mẹ và các anh chị em của ông C quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên. Nhận thấy, việc thu hồi và cấp lại đất đã làm thiếu 1.166,7m² đất của gia đình ông C, nên ông C đã khiếu nại đến UBND thị xã Thủ Dầu Một.

Ngày 06/4/2001, UBND thị xã M có Công văn số 87/UB-NC trả lời đơn của ông C, nội dung: Việc UBND thị xã M ban hành các Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 và Quyết định số 1019/QĐ-UB ngày 01/12/1998 là phù hợp với quy định của pháp luật. Không đồng ý, ông C có đơn khiếu nại.

Ngày 20/12/2004, Chủ tịch UBND thị xã M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 79/QĐ.CT có nội dung bác đơn khiếu nại của ông C. Không đồng ý với Quyết định số 79/QĐ.CT, ông C khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (Viết tắt UBND tỉnh Bình Dương).

Ngày 19/6/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2858/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông C. Đến ngày 12/7/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C.

Ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 07/9/1998 của UBND thị xã (nay là thành phố) M. Ngày 23/12/2019, ông C nộp đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết: Hủy Công văn số 87/UB-NC ngày 06/4/2001 của UBND thị xã M trả lời đơn của ông C; Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; hủy Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C; hủy Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; hủy Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C.

- *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố M, UBND thành phố M trình bày:*

Ông Nguyễn Phi H được UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 0980/GCN-SB ngày 20/4/1990, diện tích 2.547m² tọa lạc tại phường P thành phố Thủ Dầu Một. Sau đó ông H lần lượt chuyển nhượng cho ông Ngô Hữu C 170m²; bà Hồ Thị M 99,3m²; bà Lý Thị H 187m². Diện tích đất của ông H còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H ghi là 2.090,7m² (trong đó 300m² đất thổ cư và 1.790,7m² đất vườn). Do nhận thấy diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quá lớn không phù hợp với diện tích sử dụng thực tế nên ngày 06/4/1996, ông H đã làm đơn xin điều chỉnh lại diện tích đất theo thực tế sử dụng và được UBND phường P xác nhận ngày 08/4/1996.

Ngày 08/8/1998, bộ phận đo đạc thuộc phòng Kinh tế Kỹ Thuật thị xã (nay thuộc Tổ đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố) M kết hợp

với UBND phường P cùng ông Nguyễn Phi H và các hộ sử dụng đất liên ranh khảo sát đo đạc lại và đã xác định diện tích thực tế còn lại của ông Nguyễn Phi H sau các lần chuyển nhượng còn lại là 924m² (giảm so với giấy chứng nhận 1.166,7m²). Đoàn khảo sát đã lập biên bản có sự chứng kiến của ông Nguyễn Phi H, các hộ sử dụng đất liên ranh và đại diện UBND phường P xác nhận.

Ngày 07/9/1998, ông Nguyễn Phi H được UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425/QSĐĐ/PT kèm theo Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 với diện tích đã được điều chỉnh là 924m² (300m² đất thổ cư và 624m² đất trồng cây lâu năm). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến tháng 12 năm 1998, ông H chuyển nhượng tiếp cho ông Võ Quang B diện tích 176,2m² và UBND thị xã M ban hành Quyết định số 1019/QĐ-UB ngày 01/12/1998 và chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H với diện tích còn lại là 747,8m² (300m² đất thổ cư và 447,8m² đất cây lâu năm).

Ông C có đơn khiếu nại đến UBND thị xã M về thiếu diện tích đất 1.167,7m² so với diện tích đất đã cấp năm 1990. Ngày 06/4/2001, UBND thị xã M có Công văn số 87/UB-NC trả lời đơn của ông C, nội dung: Việc UBND thị xã M ban hành các Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 và Quyết định số 1019/QĐ-UB ngày 01/12/1998 là phù hợp với quy định của pháp luật. Không đồng ý, ông C có đơn khiếu nại.

Đến năm 2004, ông C có đơn khiếu nại. Ngày 20/12/2004, Chủ tịch UBND thị xã M ban hành Quyết định số 79/QĐ-CT với nội dung: Bác đơn của ông Nguyễn Trung C. Không đồng ý, ông C khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Dương. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Công nhận Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã Thủ Dầu Một. Sau đó là Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C với nội dung: “...1. hủy bỏ Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; 2. Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C ngụ tại 82 đường H, tổ 65, khu X, phường P, thị xã M về việc khiếu nại đòi lại diện tích 1.166,7m² đất thiếu trên giấy tờ, tại phường P, thị xã M; 3. Công nhận Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật”.

Do vậy, Chủ tịch UBND thành phố M đề nghị bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung C.

- Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương có ý kiến:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Ông Nguyễn Phi H là cha của ông Nguyễn Trung C được UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 0980/GCN-SB ngày 20/4/1990, diện tích 2.547m², tọa lạc tại phường P, thành phố M. Ngày 12/3/1991, sau đó ông H chuyển nhượng cho bà Hồ Thị M diện tích đất 99,3m² đất; ngày 24/10/1991 ông H chuyển nhượng cho ông Ngô Hữu C diện tích đất 170m²; ngày 09/3/1996 ông H chuyển nhượng cho bà Lý Thị H diện

tích đất 187m². Diện tích đất còn lại của ông H là 2.090,7m² (theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 09/3/1996 của UBND thị xã Thủ Dầu Một).

Về kết quả xác minh và đo đạc hiện trạng sử dụng đất: Theo đơn xin đo đạc lại diện tích đất theo thực tế ngày 06/4/1996 của ông Nguyễn Phi H, ngày 08/8/1998, Phòng Kinh tế Kỹ thuật thị xã M tiến hành đo đạc thực tế, diện tích là 924m² đất (sau khi ông H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà M, bà H), chứ không phải là 2.090,7m². Như vậy, diện tích đo đạc thực tế giảm 1.166,7m² đất theo Quyết định số 138/QĐ-UB ngày 09/3/1996 của UBND thị xã M. Từ cơ sở số liệu đo đạc trên, ngày 07/9/1998, UBND thị xã M ban hành Quyết định số 709/QĐ-UB về việc thu hồi giao đất cho ông Nguyễn Phi H theo diện tích đo đạc thực tế là 924m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425/QSĐĐ.PT cho ông Nguyễn Phi H theo diện tích đo đạc thực tế là 924m² (gồm 300m² ở và 624m² đất nông nghiệp, cây lâu năm).

Sau khi được giao diện tích đất 924m², ông Nguyễn Phi H tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Võ Quang B diện tích 176,2m² (trong đó diện tích sử dụng là 149,6m² và đường đi chung 26,6m²). Ngày 01/12/1998, UBND thị xã M ban hành Quyết định số 1019/QĐ-UB và chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Phi H, diện tích còn lại là 747,8m² (gồm 300m² ở và 447,8m² đất nông nghiệp, cây lâu năm).

Tại Biên bản làm việc ngày 21/10/2005 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương với ông Nguyễn Trung C (đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 02/02/2001 của gia đình ông Nguyễn Phi H), ông C thừa nhận diện tích đất chênh lệch thiếu 1.166,7m² (2.090,7m² - 924m²) trên giấy tờ so với đất thực tế là 924m² sau khi ông Nguyễn Phi H chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Hữu C, bà Lý Thị H và bà Hồ Thị M; ông C không xác định được diện tích đất thiếu 1.166,7m² nằm ở đâu ngoài thực địa, không xác định được ranh giới tứ cận; diện tích đất thiếu là do ông C tự tính toán trên giấy, bản thân ông và gia đình sử dụng đất từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990 đến nay không có tranh chấp đất với hộ sử dụng đất nào khác.

Về quá trình giải quyết khiếu nại: Ngày 01/3/2001, ông Nguyễn Trung C có đơn đề nghị UBND thị xã M xem xét lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0908 ngày 22/4/1990 của ông Nguyễn Phi H, diện tích 2.090,7m² nhưng khi đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425/QSĐĐ-PT ngày 07/9/1998 (kèm theo Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M) thì diện tích chỉ còn 924m², thiếu 1.166,7m².

Ngày 06/4/2001, UBND thị xã M có Công văn số 87/UB-NC trả lời đơn của ông C, nội dung: Việc UBND thị xã (nay là thành phố) M ban hành các Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 và Quyết định số 1019/QĐ-UB ngày 01/12/1998 là phù hợp với quy định của pháp luật. Không đồng ý, ông Nguyễn Trung C có đơn khiếu nại.

Ngày 20/12/2004, Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) M ban hành Quyết định số 79/QĐ-CT giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C, nội dung: Bác đơn của ông Nguyễn Trung C về việc khiếu nại UBND thị xã (nay là thành phố) M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425/QSĐĐ-PT và Quyết định số

709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 giao đất cho ông Nguyễn Phi H thiếu 1.166,7m², lý do việc khiếu nại không có cơ sở để xem xét giải quyết. Không đồng ý, ông Nguyễn Trung C tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Dương.

Ngày 19/6/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2858/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông C, nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C, ngụ tại số 82 đường Hai Bà Trưng, tổ 65, khu X, phường P, thị xã M về việc khiếu nại thiếu diện tích 1.166,7m² đất tại phường Phú Hòa, thị xã M.

Ngày 12/7/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C, nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh; bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; công nhận Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C là đúng quy định pháp luật.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung C; công nhận Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương là đúng theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị G, ông Nguyễn Trung T, ông Nguyễn Trung Th, ông Nguyễn Trung B, ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thu Thủy, bà Nguyễn Thị Bích P có ông Nguyễn Trung C đại diện trình bày:* Thống nhất với yêu cầu ông Nguyễn Trung C.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 21/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố M đã quyết định:* Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung C đối với yêu cầu hủy: Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã (nay là thành phố) M.

- *Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 08/2013/HC-PT ngày 25/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:* Không chấp nhận kháng cáo của ông C. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 21/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- *Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 21/2019/HC-GĐT ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:* Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 08/2013/HC-PT ngày 25/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2013/HC-ST ngày 21/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố M và giao hồ sơ vụ án về Tòa án tỉnh Bình Dương xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, Khoản 1 Điều 158, Điều 164, Điểm a Khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung C đối với yêu cầu hủy: Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Công văn số 87/UB-NC ngày 08/4/2001 của UBND thị xã M về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về miễn án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 18/6/2020 người khởi kiện ông Nguyễn Trung C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông Nguyễn Trung C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông tuyên hủy các Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Công văn số 87/UB-NC ngày 08/4/2001 của UBND thị xã M về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định của UBND thị xã M và chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương.

- Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trung C là người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Ông Nguyễn Trung C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Công văn số 87/UB-NC ngày 08/4/2001 của UBND thị xã M về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C.

Ngày 02/5/2012 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về việc thành lập thành phố M thuộc tỉnh Bình Dương có 14 đơn vị hành chính cấp xã, gồm các phường: Phú Cường, Hiệp Thành, Chánh Nghĩa, Phú Thọ, Phú Hòa, Phú Lợi, Hiệp An, Định Hòa, Phú Mỹ, Hòa Phú, Phú Tân và các xã: Chánh Mỹ, Tương Bình Hiệp, Tân An.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng người bị kiện, quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Xét việc UBND thị xã M ban hành Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; Công văn số 87/UB-NC ngày 08/4/2001 của UBND thị xã M về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 1994 và năm 2003; Luật khiếu nại - tố cáo năm 1998 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo khiếu nại - tố cáo năm 2004.

Ông C tiếp tục khiếu nại, do đó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 và Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật khiếu nại, tố cáo khiếu nại - tố cáo năm 2004.

[3.2] Xét trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định:

Người khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất của cha ông C là ông Nguyễn Phi H kê khai, đăng ký và được UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0980/GCN-SB ngày 20/4/1990 với diện tích 2.547m², tọa lạc tại phường P, thị

xã Thủ dầu Một. Ngày 12/3/1991, ông H chuyển nhượng cho bà Hồ Thị M diện tích đất 99,3m²; ngày 24/10/1991 ông H chuyển nhượng cho ông Ngô Hữu C diện tích đất 170m²; ngày 09/3/1996 ông Nguyễn Phi H chuyển nhượng diện cho bà Lý Thị H tích đất 187m². Diện tích đất còn lại của ông H là 2.090,7m². Nhưng ngày 07/9/1998, UBND thị xã Mban hành Quyết định số 709/QĐ-UB thu hồi diện tích 2.090,7m², duyệt giao cho ông Nguyễn Phi H diện tích 924m² (gồm 300m² đất thổ cư và 624m² đất nông nghiệp) là không đúng diện tích đất của ông H còn lại trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 1990.

Còn người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Mthì có ý kiến rằng: Trước đây UBND thị xã M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 0980/GCN-SB ngày 20/4/1990 cho ông H diện tích 2.547m² là có sai sót khi tính nhầm tỷ lệ đo vẽ trên bản đồ từ 1/1000 thành tỷ lệ 1/2000. Do đó, sau khi ông H chuyển nhượng đất cho bà M, ông C và bà H, ông H đã có đơn đề ngày 06/4/1996 xin điều chỉnh lại diện tích theo thực tế sử dụng được UBND phường P xác nhận ngày 08/4/1996. Ngày 08/8/1998, bộ phận đo đạc thuộc phòng Kinh tế Kỹ Thuật thị xã (nay thuộc Tổ đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố) M kết hợp với UBND phường P cùng ông H và các hộ sử dụng đất liền ranh khảo sát đo đạc lại và đã xác định diện tích thực tế còn lại của ông Nguyễn Phi H là 924m². Việc đo đạc, khảo sát có lập biên bản và có sự chứng kiến của ông Nguyễn Phi H, các hộ sử dụng đất liền ranh và đại diện UBND phường P. Kết quả khảo sát đã được UBND phường P ký xác nhận nội dung và hiện trạng diện tích sử dụng đất thực tế của gia đình ông H.

Ông C khiếu nại về việc lập biên bản khảo sát đo đạc hiện trạng đất của ông H ngày 08/8/1998 không có chữ ký của ông H chứng kiến việc đo đạc kiểm tra diện tích đất. UBND thành phố Mthì cho rằng trong biên bản kiểm tra địa chính và khảo sát hiện trạng diện tích sử dụng đất ngày 08/8/1998 thiếu chữ ký của chủ sử dụng đất là ông H và một số người liền ranh là do quá trình lập biên bản thể hiện sơ đồ, diện tích khu đất, nên cán bộ phòng Kinh tế kỹ thuật cần phải đem hồ sơ về để xử lý nội nghiệp, sau đó mới giao lại cho UBND phường P giao cho chủ sử dụng đất và các hộ liền ranh ký vào biên bản.

Xét thấy biên bản kiểm tra địa chính ngày 08/8/1998 mặc dù thiếu chữ ký của ông H, nhưng việc đo đạc và khảo sát được UBND phường P chứng kiến và ký tên xác nhận hiện trạng diện tích sử dụng thực tế còn lại của gia đình ông H là 924m² phù hợp với đơn xin điều chỉnh diện tích đất của ông H ghi ngày 06/4/1996 có nội dung *“Sau ba lần chuyển nhượng diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận là 2.090,7m². Nhưng thực tế gia đình tôi chỉ còn khoảng 700m²...”*

Trong quá trình giải quyết vụ án ông C cũng có lời khai rằng, phần đất của gia đình ông không bị lấn chiếm, các mốc ranh giáp tứ cận đất không thay đổi, gia đình ông không có tranh chấp đất với các hộ sử dụng đất giáp ranh; ông cũng không xác định được diện tích đất bị thiếu 1.166,7m² theo hiện trạng thực tế mà do ông căn cứ vào diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1990 so với diện tích được cấp lại năm 1998 có giảm diện tích nên ông không đồng ý với Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H và giao đất với diện tích đã được điều chỉnh 924m² theo hiện trạng sử dụng.

Tại Công văn số 140^A ngày 13/3/2013 (Bút lục 246) của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố M xác định nguyên nhân giảm diện tích đất so với giấy chứng nhận được cấp cho ông Nguyễn Phi H là do đã tính nhầm tỷ lệ xích (từ tỷ lệ 1/1000 tính nhầm thành tỷ lệ 1/2000) cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số trắng) số 0980/GCN-SB ngày 20/4/1990 do UBND thị xã M cấp cho ông Nguyễn Phi H có sơ đồ khu đất vẽ theo tỷ lệ 1/1000, tuy nhiên quá trình tính diện tích đã tính nhầm theo tỷ lệ 1/2000 nên xác định diện tích là 2.547m², thực tế diện tích tính đúng theo tỷ lệ 1/1000 là 1,380,3m² (gồm diện tích còn lại cộng với diện tích đã chuyển nhượng cho ba hộ).

Như vậy có căn cứ xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã M cấp cho ông Nguyễn Phi H ngày 20/4/1990 có sơ đồ khu đất vẽ theo tỷ lệ 1/1000 nhưng tuy nhiên quá trình tính diện tích đã tính nhầm theo tỷ lệ 1/2000 nên xác định diện tích đất không đúng với diện tích thực tế sử dụng. Căn cứ theo đơn xin điều chỉnh lại diện tích theo thực tế sử dụng của ông H và sau khi khảo sát hiện trạng diện tích sử dụng đất của ông H. Ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M ban hành Quyết định số 709/QĐ-UB về việc thu hồi đất và giao đất cho ông Nguyễn Phi H với diện tích đã được điều chỉnh 924m² là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Ngày 09/11/1998 ông H chết, đến ngày 01/3/2001 ông Nguyễn Trung C có đơn đề nghị UBND thị xã M xem xét lại Quyết định số 709/QĐ-UB. Ngày 06/4/2001, UBND thị xã M ban hành Văn bản số 87/UB-NC về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C là có căn cứ.

Ông C tiếp tục khiếu nại, do đó Chủ tịch UBND thị xã M ban hành Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 bác khiếu nại của ông C là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M là đúng quy định của pháp luật và quyết định số 79/QĐ-CT của Chủ tịch UBND thị xã M ngày 20/12/2004 bác khiếu nại của ông C là có căn cứ. Vì vậy ngày 19/6/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2858/QĐ-UBND và ngày 12/7/2006 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trung C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông C không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định. Nhưng xét ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc miễn án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trung C. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2020/HC-ST ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

2. Áp dụng Căn cứ các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, Khoản 1 Điều 158, Điều 164, Điểm a Khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung C đối với yêu cầu hủy các quyết định: Quyết định số 709/QĐ-UB ngày 07/9/1998 của UBND thị xã M về việc giao đất và thu hồi đất của ông Nguyễn Phi H; Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 20/12/2004 của Chủ tịch UBND thị xã M về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 19/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trung C; Công văn số 87/UB-NC ngày 08/4/2001 của UBND thị xã M về việc trả lời đơn của ông Nguyễn Trung C.

3. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Trung C.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm về việc miễn án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**